

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông báo số 52/TB-ĐHHD ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP VỚI CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

STT	NGÀNH TUYỂN SINH		NHÓM I (Không phải học bổ sung kiến thức)	NHÓM II (Các ngành phải học bổ sung kiến thức 3 học phần)	NHÓM III (Các ngành phải học bổ sung kiến thức 6 học phần)
	Tên ngành	Mã ngành			
1	Kế toán	8340301	Kế toán (mã 7340301)	- Ngành/chuyên ngành học bổ sung kiến thức (BSKT) + Ngành: Kiểm toán (7340302); + Các chuyên ngành kế toán, kiểm toán/kiểm soát và phân tích thuộc các ngành đào tạo khác của các cơ sở giáo dục đào tạo đại học. - Các học phần học BSKT: 1) Kế toán tài chính (3 tín chỉ); 2) Kế toán quản trị (3 tín chỉ); 3) Kế toán hành chính sự nghiệp (3 tín chỉ).	- Ngành/chuyên ngành học BSKT: + Các ngành đào tạo của cơ sở giáo dục đào tạo đại học khác thuộc lĩnh vực Kinh doanh - Quản lý (mã 734), không tính nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán (mã 73401, 73402); + Các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may; Tài chính - Ngân hàng; Bảo hiểm; Công nghệ tài chính; Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Quản trị văn phòng; Quản lý dự án; Hệ thống thông tin quản lý thuộc các ngành đào tạo khác của các cơ sở giáo dục đào tạo đại học. - Các học phần học BSKT: 1) Nguyên lý kế toán (3 tín chỉ); 2) Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ (3 tín chỉ); 3) Lý thuyết kiểm toán (3 tín chỉ); 4) Kế toán tài chính (3 tín chỉ); 5) Kế toán quản trị (3 tín chỉ); 6) Kế toán hành chính sự nghiệp (3 tín chỉ).

STT	NGÀNH TUYỂN SINH		NHÓM I (Không phải học bổ sung kiến thức)	NHÓM II (Các ngành phải học bổ sung kiến thức 3 học phần)	NHÓM III (Các ngành phải học bổ sung kiến thức 6 học phần)
	Tên ngành	Mã ngành			
2	Quản lý kinh tế	8310110	Kinh tế (mã 7310101)	- Ngành/chuyên ngành học BSKT: Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học (mã 73101). - Các học phần học BSKT: 1. Kinh tế học (3 tín chỉ); 2. Quản trị kinh doanh (3 tín chỉ); 3. Quản lý Nhà nước về kinh tế (3 tín chỉ).	- Ngành/chuyên ngành học BSKT: Các ngành đào tạo còn lại trong “Danh mục thống kê ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học” hiện hành. - Các học phần học BSKT: 1. Kinh tế học (3 tín chỉ); 2. Quản trị kinh doanh (3 tín chỉ); 3. Lý thuyết tài chính tiền tệ (3 tín chỉ); 4. Quản lý Nhà nước về kinh tế (3 tín chỉ); 5. Kinh tế nguồn nhân lực (3 tín chỉ); 6. Kinh tế quốc tế (3 tín chỉ).
3	Quản lý giáo dục	8140114	Quản lý giáo dục (mã 7140114)	- Ngành/chuyên ngành học BSKT: + Giáo dục học (7140101). + Công nghệ giáo dục (7140103). + Các ngành thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên (Mã số 71402). - Các học phần học BSKT: 1. Khoa học quản lý đại cương (3 tín chỉ); 2. Quản lý giáo dục đại cương (3 tín chỉ); 3. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục (3 tín chỉ).	- Ngành/chuyên ngành học BSKT: Các ngành khác có các minh chứng phù hợp với các điều kiện của ngành Quản lý giáo dục. - Các học phần học BSKT: 1. Quản lý giáo dục đại cương (3 tín chỉ); 2. Tâm lý học (3 tín chỉ); 3. Lý luận dạy học và lý luận giáo dục (3 tín chỉ); 4. Những vấn đề chung về giáo dục học (3 tín chỉ); 5. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục (3 tín chỉ); 6. Khoa học quản lý đại cương (3 tín chỉ).

* *Lưu ý:* - Người dự tuyển được miễn học và thi học phần học phần bổ sung kiến thức nếu học phần đó đã được tích lũy ở bậc đại học và thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (1) Tên học phần ghi trong bảng điểm đại học hoàn toàn trùng khớp với tên học phần học phần bổ sung kiến thức; (2) Số tín chỉ của học phần đã tích lũy lớn hơn hoặc bằng số tín chỉ của học phần học phần bổ sung kiến thức; (3) Điểm học phần đạt từ điểm C (đối với thang điểm chữ), từ điểm 2,0 (đối với thang điểm 4), từ điểm 5,5 (đối với thang điểm 10) trở lên.

- Các quy định khác về học bổ sung kiến thức thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ hiện hành của Trường.